



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1849/MB-HS

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2026

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình
hình thực hiện các cam kết với người sở
hữu trái phiếu MB kỳ báo cáo bán niên
năm 2026

Kính gửi : - **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
- **Quý Nhà đầu tư**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2024 như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026 và các quyết định sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax giao dịch: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi
- 3) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; ATP
 - e) Thư tín dụng



- 4) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 5) Cung ứng các phương tiện thanh toán
- 6) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 7) Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- 8) Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng nhà nước
- 9) Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 10) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật
- 11) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
- 12) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 13) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- 14) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước
- 16) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
- 17) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất
- 18) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 19) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 20) Các hoạt động kinh doanh khác
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - đ) Kinh doanh vàng;
 - e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
 - h) Phát hành trái phiếu;
 - i) Lưu ký chứng khoán;
 - k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- 21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

ATP

22) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23) Mua nợ.

24) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế

- Mã số thuế: 0100283873

2. Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo bán niên năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026)

3. Tình hình thực hiện quy định về công bố thông tin theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ*

**Danh sách Trái phiếu còn dư nợ trong kỳ báo cáo*

STT	Mã Trái phiếu	Tình hình thực hiện công bố thông tin định kỳ (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin về việc mua lại, hoán đổi, chuyển đổi, thực hiện quyền (nếu có) (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin bất thường (tuân thủ/không tuân thủ)	Tình hình thực hiện công bố thông tin khác (tuân thủ/không tuân thủ)
1	MB.BOND.2017.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
2	MB.BOND.2017.10Y.08	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
3	MB.2018.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
4	MB.2018.10Y.02	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
5	MB.2018.10Y.03	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
6	MB.2018.10Y.04	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
7	MB.2018.10Y.05	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
8	MB.2019.10Y.01	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
9	MB.2019.10Y.02	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
10	MBBH2128002	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
11	MBBL2128001	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
12	MBBL2128004	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
13	MBBL2128005	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
14	MBBL2128008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
15	MBBL2128009	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
16	MBBL2128011	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
17	MBBL2227006	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
18	MBBL2227007	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
19	MBBL2227008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
20	MBBL2227015	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
21	MBBL2229016	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
22	MBBL2229020	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
23	MBBL2229021	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
24	MBBL2328008	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
25	MBBL2330001	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
26	MBBL2330002	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

AD

[illegible]

At

71	MBB12527	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
72	MBB12528	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
73	MBB12529	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
74	MBB12530	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
75	MBB12531	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
76	MBB12532	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
77	MBB12533	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
78	MBB12601	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
79	MBB12602	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
80	MBB12603	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
81	MBB12604	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
82	MBB12605	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
83	MBB12606	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
84	MBB12607	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
85	MBB12608	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
86	MBB12609	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
87	MBB12610	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
88	MBB12611	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
89	MBB12612	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
90	MBB12613	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
91	MBB12614	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
92	MBB12615	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
93	MBB12616	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
94	MBB12617	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
95	MBB12618	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

4. Tình hình thực hiện các cam kết khác theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ* :

*Danh sách Trái phiếu còn dư nợ trong kỳ báo cáo

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết	Kết quả tuân thủ
1	MB.BOND.2017.10Y.01	07/09/2017	Mục đích phát hành (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
2	MB.BOND.2017.10Y.08	10/10/2017			
3	MB.2018.10Y.01	16/10/2018			
4	MB.2018.10Y.02	17/10/2018			
5	MB.2018.10Y.03	26/10/2018			
6	MB.2018.10Y.04	28/11/2018			
7	MB.2018.10Y.05	28/11/2018			
8	MB.2019.10Y.01	30/09/2019			
9	MB.2019.10Y.02	04/11/2019			
10	MBBH2128002	31/08/2021			
11	MBBL2128001	31/08/2021	Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Không áp dụng
12	MBBL2128004	10/09/2021			
13	MBBL2128005	20/09/2021			
14	MBBL2128008	05/10/2021			
15	MBBL2128009	25/10/2021			

At

16	MBBL2128011	25/10/2021			
17	MBBL2227006	29/04/2022			
18	MBBL2227007	06/05/2022			
19	MBBL2227008	09/05/2022			
20	MBBL2227015	15/06/2022			
21	MBBL2229016	15/06/2022			
22	MBBL2229020	16/09/2022			
23	MBBL2229021	30/12/2022			
24	MBBL2328008	12/12/2023	Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu (Nêu cụ thể)	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Đủ ; Đúng hạn
25	MBBL2330001	22/09/2023			
26	MBBL2330002	29/09/2023			
27	MBBL2330003	03/10/2023			
28	MBBL2431001	27/03/2024			
29	MBBL2431002	29/03/2024			
30	MBBL2434003	29/03/2024			
31	MBBL2432004	04/04/2024			
32	MBBL2431005	08/04/2024			
33	MBBL2431006	08/04/2024			
34	MBBL2431007	09/04/2024			
35	MBBL2434008	17/04/2024			
36	MBBL2431009	22/04/2024			
37	MBBL2431010	26/04/2024			
38	MBBL2431011	27/05/2024	Cam kết mua lại trước hạn	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
39	MBBL2431013	20/06/2024			
40	MBBL2431023	19/12/2024			
41	MBBL2431024	20/12/2024			
42	MBBL2432022	17/12/2024			
43	MBBL2432025	20/12/2024			
44	MBBL2432026	23/12/2024			
45	MBBL2432027	23/12/2024			
46	MBB12501	29/04/2025	Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Không áp dụng
47	MBB12503	09/05/2025			
48	MBB12504	14/05/2025			
49	MBB12505	30/05/2025			
50	MBB12506	06/06/2025			
51	MBB12507	18/06/2025			
52	MBB12509	20/06/2025			
53	MBB12512	24/06/2025			
54	MBB12508	19/06/2025			
55	MBB12510	23/06/2025			
56	MBB12511	24/06/2025			
57	MBB12513	07/07/2025			
58	MBB12514	16/07/2025			
59	MBB12515	18/07/2025			

Ar

60	MBB12516	18/07/2025			
61	MBB12517	21/07/2025			
62	MBB12518	23/07/2025			
63	MBB12519	06/08/2025			
64	MBB12520	12/08/2025			
65	MBB12521	20/08/2025			
66	MBB12522	26/08/2025			
67	MBB12523	29/08/2025			
68	MBB12524	03/09/2025			
69	MBB12525	08/09/2025			
70	MBB12526	30/09/2025	Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành	Chi tiết tại Phụ Lục đính kèm	Tuân thủ
71	MBB12527	15/12/2025			
72	MBB12528	16/12/2025			
73	MBB12529	17/12/2025			
74	MBB12530	22/12/2025			
75	MBB12531	29/12/2025			
76	MBB12532	30/12/2025			
77	MBB12533	30/12/2025			
78	MBB12601	21/04/2026			
79	MBB12602	22/04/2026			
80	MBB12603	12/05/2026			
81	MBB12604	15/05/2026			
82	MBB12605	28/05/2026			
83	MBB12606	15/05/2026			
84	MBB12607	19/05/2026			
85	MBB12608	21/05/2026			
86	MBB12609	26/05/2026			
87	MBB12610	28/05/2026			
88	MBB12611	29/05/2026			
89	MBB12612	05/06/2026			
90	MBB12613	05/06/2026			
91	MBB12614	09/06/2026			
92	MBB12615	18/06/2026			
93	MBB12616	19/06/2026			
94	MBB12617	22/06/2026			
95	MBB12618	29/06/2026			

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

At

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu VT, Trea, TA (03)

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
TRÁI PHIẾU VÀ PHÁT HÀNH**



Phạm Hồng Quân

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỞI NGUỒN VỐN VÀ
KINH DOANH TIỀN TỆ**



Đỗ Thị Minh Hạnh



PHỤ LỤC

1. Mục đích phát hành

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
1	MB.BOND.2017.10Y.01	Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.
2	MB.BOND.2017.10Y.08	
3	MB.2018.10Y.01	Giúp Ngân hàng đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung vốn tự có theo quy định của NHNN và tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng.
4	MB.2018.10Y.02	
5	MB.2018.10Y.03	
6	MB.2018.10Y.04	
7	MB.2018.10Y.05	
8	MB.2019.10Y.01	Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng và bổ sung vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
9	MB.2019.10Y.02	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
10	MBBH2128002	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
11	MBBL2128001	
12	MBBL2128004	
13	MBBL2128005	
14	MBBL2128008	
15	MBBL2128009	
16	MBBL2128011	
17	MBBL2227006	
18	MBBL2227007	

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
19	MBBL2227008	Bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng và/hoặc đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
20	MBBL2227015	
21	MBBL2229016	
22	MBBL2229020	
23	MBBL2229021	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
24	MBBL2328008	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, cụ thể để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
25	MBBL2330001	
26	MBBL2330002	
27	MBBL2330003	
28	MBBL2431001	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
29	MBBL2431002	
30	MBBL2434003	
31	MBBL2432004	
32	MBBL2431005	
33	MBBL2431006	
34	MBBL2431007	

42

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
35	MBBL2434008	
36	MBBL2431009	
37	MBBL2431010	
38	MBBL2431011	
39	MBBL2431013	
40	MBBL2431023	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhân rồi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
41	MBBL2431024	
42	MBBL2432022	
43	MBBL2432025	
44	MBBL2432026	
45	MBBL2432027	
46	MBB12501	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB và/hoặc phục vụ các hoạt động, kinh doanh khác của MB phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhân rồi (nếu có) được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
47	MBB12503	
48	MBB12504	
49	MBB12505	
50	MBB12506	
51	MBB12507	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhân rồi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
52	MBB12509	
53	MBB12512	

AL

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
54	MBB12508	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng. Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
55	MBB12510	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
56	MBB12511	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
57	MBB12513	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
58	MBB12514	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
59	MBB12515	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
		Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
60	MBB12516	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
61	MBB12517	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
62	MBB12518	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
63	MBB12519	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
64	MBB12520	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
		Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại NHNN Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
65	MBB12521	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
66	MBB12522	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
67	MBB12523	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
68	MBB12524	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.
69	MBB12525	Kế hoạch sử dụng: Phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của MB trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) sẽ được gửi tại tài khoản của MB tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
70	MBB12526	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của NHNN Việt Nam.
71	MBB12527	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
72	MBB12528	
73	MBB12529	
74	MBB12530	

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng
75	MBB12531	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
76	MBB12532	Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu trong trường hợp tạm thời nhàn rỗi (nếu có) được gửi tại tài khoản của MB tại NHNN Việt Nam và/hoặc tại (các) Tổ chức tín dụng khác.
77	MBB12533	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của NHNN Việt Nam (theo quy định của pháp luật chuyên ngành)
78	MBB12601	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2 cho MB sẽ được sử dụng để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật
79	MBB12602	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
80	MBB12603	Trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa được phân bổ/sử dụng, MB thực hiện để tiền gửi tại NHNN và/hoặc (các) Tổ chức tín dụng khác hoặc hình thức khác phù hợp quy định
81	MBB12604	
82	MBB12605	
83	MBB12606	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của NHNN Việt Nam (theo quy định của pháp luật chuyên ngành)
84	MBB12607	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2 cho MB sẽ được sử dụng để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật
85	MBB12609	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
86	MBB12611	Trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa được phân bổ/sử dụng, MB thực hiện để tiền gửi tại NHNN và/hoặc (các) Tổ chức tín dụng khác hoặc hình thức khác phù hợp quy định
87	MBB12612	
88	MBB12613	
89	MBB12614	
90	MBB12615	
91	MBB12616	
92	MBB12608	Phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.
93	MBB12610	Kế hoạch sử dụng: Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để cho vay đối với khách hàng cá nhân và/hoặc khách hàng tổ chức tại MB phù hợp với quy định pháp luật.
94	MBB12617	Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu sẽ theo tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được tại thời điểm đó nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin kết quả của đợt chào bán.
95	MBB12618	

ATC

Chi tiết nội dung						Kết quả thực hiện
6	MBBL2229016	20/03/2026	50,000,000,000	50,000,000,000	-	
7	MBBL2229020	03/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
8	MBBL2431001	27/03/2026	150,000,000,000	150,000,000,000	-	
9	MBBL2431002	30/03/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
10	MBBL2434003	30/03/2026	800,000,000,000	800,000,000,000	-	
11	MBBL2431005	08/04/2026	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	
12	MBBL2431006	08/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
13	MBBL2431007	09/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
14	MBBL2434008	17/04/2026	200,000,000,000	200,000,000,000	-	
15	MBBL2431009	22/04/2026	400,000,000,000	400,000,000,000	-	
16	MBBL2431010	28/04/2026	301,000,000,000	301,000,000,000	-	
17	MBBL2431011	27/05/2026	200,000,000,000	200,000,000,000	-	
18	MBBL2431013	20/06/2026	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	

42

Chi tiết nội dung					Kết quả thực hiện
19	MBB12508	19/06/2026	5,000,000,000,000	5,000,000,000,000	-
20	MBB12510	23/06/2026	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	-

Ngân hàng TMCP Quân đội đã thực hiện đầy đủ và đúng hạn các cam kết mua lại trái phiếu theo quy định tại Bản Công bố thông tin các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu và thực hiện công bố thông tin mua lại theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP; Nghị định 65/2022/NĐ-CP; Nghị định 200/2026/NĐ-CP; Thông tư 122/2020/TT-BTC và Thông tư 76/2024/TT-BTC

5. Cam kết về chuyển đổi trái phiếu: Không có

6. Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành và Kết quả thực hiện

STT	Chi tiết nội dung	Kết quả thực hiện
1	Cam kết liên quan tới điều kiện phát hành trái phiếu (a) Tổ Chức Phát Hành là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thuộc đối tượng được quy định tại Nghị định 200 và Bản Công Bố Thông Tin của từng đợt chào bán. (b) Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu. (c) Việc Tổ Chức Phát Hành chào bán và phát hành Trái Phiếu sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành, (ii) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan đang áp dụng tại Ngày Phát Hành, hoặc (iii) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến bất kỳ sự vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên. (d) Tổ Chức Phát Hành đã xin được mọi chấp thuận cần thiết từ (các) cấp có thẩm quyền về việc (i) chào bán và phát hành Trái Phiếu, ký kết và ban hành các Văn Kiện Trái Phiếu; và (ii) thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ, thỏa thuận và cam kết của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các văn kiện trái phiếu. (e) Tổ Chức Phát Hành cam kết và khẳng định tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP; Nghị định 65/2022/NĐ-CP; Nghị định 200/2026/NĐ-CP; Thông tư 122/2020/TT-BTC; Thông tư 76/2024/TT-BTC; và các quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	Tuân thủ

STT	Chi tiết nội dung	Kết quả thực hiện
	(f) Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu;	
2	Cam kết liên quan tới mục đích phát hành Tổ Chức Phát Hành quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích nêu tại Phương Án Phát Hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bản Công Bố Thông Tin và theo quy định của pháp luật.	Tuân thủ
3	Cam kết liên quan tới việc CBTT Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Nghị Định 153/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung: (a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của TCPH xác nhận số liệu. (b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu của TCPH. (c) Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu của TCPH đã được kiểm toán (d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.	Tuân thủ
4	Cam kết liên quan đến đăng ký trái phiếu Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố kết quả đợt chào bán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện đăng ký giao dịch Trái Phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành được VSDC cấp Giấy chứng nhận đăng ký Trái Phiếu.	Tuân thủ
5	Cam kết khác Tổ Chức Phát Hành thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Khoản Và Điều Khoản Của Trái Phiếu.	Tuân thủ

[Signature]



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, August 2026

No: *11849*/MB-HS

Re: Periodic disclosure of information on
the implementation of commitments to
MB bondholders for the semi-annual
reporting period of 2026

Dear : - **Vietnam Stock Exchange**
- **Hanoi Stock Exchange**
- **Investors**

Pursuant to the provisions of Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 06, 2024 of the Ministry of Finance guiding the regime of information disclosure and reporting on private placement and trading of individual bonds in the domestic market and the offering of corporate bonds to the international market, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) sends periodic information disclosure on the implementation of commitments the results of the issuer for bondholders for the reporting period of 2024 are as follows:

1. Business information:

- Name of enterprise: **Military Commercial Joint Stock Bank**
- Certificate of Business Registration No. 0100283873 issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 30/09/1994, amended for the 54th time on 16/05/2024
- Establishment and operation license: Establishment and operation license No. 0054/NH-GP dated September 14, 1994, replaced by license No. 03/GP-NHNN dated January 16, 2026 and decisions on amendments and supplements.
- Head office address: No. 18 Le Van Luong, Yen Hoa Ward, Hanoi
- Phone number: 024.6266.1088
- Transaction Fax Number: 024.6266.1080
- Email Address: info@mbbank.com.vn
- Type of Business: Public Company
- Main business activities:

Military Joint Stock Commercial Banks may carry out activities of the type of commercial bank in accordance with the provisions of law and the State Bank of Vietnam, including the following activities:

- 1) Accept demand deposits, term deposits, savings deposits and other deposits.
- 2) Issuance of certificates of deposit
- 3) Granting credit in the following forms:
 - a) Lending;
 - b) Discounts and re-discounts;
 - c) Bank guarantees;
 - d) Issuing credit cards;
 - dd) Domestic factoring; international factoring;

- e) Letters of credit
- 4) Open a payment account for the customer.
- 5) Providing payment facilities
- 6) Providing payment services via the following accounts:
 - a) Providing domestic payment services including cheques, payment orders, payment authorizations, collections, collection authorizations, money transfers, bank cards, collection and payment services;
 - b) Providing international payment services in accordance with the State Bank's regulations
- 7) Borrowing from the State Bank in the form of refinancing.
- 8) Buying and selling valuable papers with the State Bank
- 9) Lending, borrowing, depositing, receiving deposits, buying and selling term of valuable papers with credit institutions and foreign bank branches in accordance with regulations of the State Bank
- 10) Borrowing foreign loans in accordance with the provisions of law
- 11) Opening a current account at the State Bank of Vietnam
- 12) Open a payment account at a credit institution that provides payment services via account.
- 13) Opening an overseas payment account in accordance with the law on foreign exchange.
- 14) Internal payment organizations, participating in the national interbank payment system.
- 15) Contributing capital and purchasing shares in accordance with the provisions of law and the guidance of the State Bank
- 16) Trading and supplying foreign exchange services and products to domestic and foreign customers within the scope prescribed by the State Bank.
- 17) Trading and supplying domestic and foreign customers with interest-related derivative services and products
- 18) Entrusting, receiving entrustments, agents in banking activities, assigning payment agents in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
- 19) Insurance agents in accordance with the law on insurance business, in accordance with the scope of insurance agency activities as prescribed by the State Bank.
- 20) Other Business Activities
 - a) Cash management services; treasury services for credit institutions and foreign bank branches; asset preservation services, rental of cabinets and safes;
 - b) Providing services of money transfer, collection and payment on behalf of non-accounts;
 - c) Buying and selling State Bank bills and corporate bonds; purchase and sale of debt instruments of the Government, government-guaranteed bonds, local government bonds and other valuable papers;
 - d) Currency brokerage services;
 - dd) Trading in gold;
 - e) Other services related to factoring and letters of credit;
 - g) Consultancy on banking activities and other business activities specified in the License;
 - h) Issuance of bonds;

- i) Securities depository;
- k) Collateral management agents for lenders being international financial institutions, foreign credit institutions, credit institutions and branches of foreign banks.
- 21) Supply of commodity price derivatives.
- 22) Investment in government bond futures.
- 23) Buying debt.
- 24) Join the international payment system
- Tax code: 0100283873

2. Reporting period: semi-annual reporting period of 2026 (from 01/01/2026 to 30/06/2026)

3. Implementation of regulations on information disclosure by each outstanding bond code*

**List of outstanding bonds in the reporting period*

ST T	Bond Code	Implementati on of periodic information disclosure (compliance/n on- compliance)	Implementati on of information disclosure on acquisition, swap, conversion, exercise of rights (if any) (compliance/n on- compliance)	Implementati on of abnormal information disclosure (compliance/n on- compliance)	Other information disclosure status (compliance/n on- compliance)
1	MB. BOND.2017.10 Y.01	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
2	MB. BOND.2017.10 Y.08	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
3	MB.2018.10Y.0 1	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
4	MB.2018.10Y.0 2	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
5	MB.2018.10Y.0 3	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
6	MB.2018.10Y.0 4	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
7	MB.2018.10Y.0 5	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
8	MB.2019.10Y.0 1	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
9	MB.2019.10Y.0 2	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
10	MBBH2128002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
11	MBBL2128001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
12	MBBL2128004	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
13	MBBL2128005	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

14	MBBL2128008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
15	MBBL2128009	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
16	MBBL2128011	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
17	MBBL2227006	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
18	MBBL2227007	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
19	MBBL2227008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
20	MBBL2227015	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
21	MBBL2229016	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
22	MBBL2229020	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
23	MBBL2229021	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
24	MBBL2328008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
25	MBBL2330001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
26	MBBL2330002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
27	MBBL2330003	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
28	MBBL2431001	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
29	MBBL2431002	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
30	MBBL2434003	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
31	MBBL2432004	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
32	MBBL2431005	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
33	MBBL2431006	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
34	MBBL2431007	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
35	MBBL2434008	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
36	MBBL2431009	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
37	MBBL2431010	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
38	MBBL2431011	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
39	MBBL2431013	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
40	MBBL2431023	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
41	MBBL2431024	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
42	MBBL2432022	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
43	MBBL2432025	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
44	MBBL2432026	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
45	MBBL2432027	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
46	MBB12501	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
47	MBB12503	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
48	MBB12504	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
49	MBB12505	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
50	MBB12506	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
51	MBB12507	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
52	MBB12509	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
53	MBB12512	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
54	MBB12508	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
55	MBB12510	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
56	MBB12511	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
57	MBB12513	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

58	MBB12514	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
59	MBB12515	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
60	MBB12516	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
61	MBB12517	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
62	MBB12518	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
63	MBB12519	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
64	MBB12520	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
65	MBB12521	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
66	MBB12522	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
67	MBB12523	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
68	MBB12524	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
69	MBB12525	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
70	MBB12526	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
71	MBB12527	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
72	MBB12528	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
73	MBB12529	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
74	MBB12530	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
75	MBB12531	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
76	MBB12532	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
77	MBB12533	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
78	MBB12601	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
79	MBB12602	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
80	MBB12603	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
81	MBB12604	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
82	MBB12605	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
83	MBB12606	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
84	MBB12607	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
85	MBB12608	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
86	MBB12609	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
87	MBB12610	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
88	MBB12611	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
89	MBB12612	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
90	MBB12613	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
91	MBB12614	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
92	MBB12615	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
93	MBB12616	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
94	MBB12617	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance
95	MBB12618	Compliance	Compliance	Compliance	Compliance

4. Implementation of other commitments under each outstanding bond code*:

**List of outstanding bonds in the reporting period*

STT	Bond code	Release Date	Contents	Details	Compliance Results
1	MB. BOND.2017.10Y.01	07/09/2017	Purpose of Issuance (Specify)		Compliance

2	MB. BOND.2017.10Y.08	10/10/2017			
3	MB.2018.10Y.01	16/10/2018			
4	MB.2018.10Y.02	17/10/2018			
5	MB.2018.10Y.03	26/10/2018			
6	MB.2018.10Y.04	28/11/2018			
7	MB.2018.10Y.05	28/11/2018			
8	MB.2019.10Y.01	30/09/2019			
9	MB.2019.10Y.02	04/11/2019			
10	MBBH2128002	31/08/2021			
11	MBBL2128001	31/08/2021			
12	MBBL2128004	10/09/2021			
13	MBBL2128005	20/09/2021			
14	MBBL2128008	05/10/2021			
15	MBBL2128009	25/10/2021			
16	MBBL2128011	25/10/2021			
17	MBBL2227006	29/04/2022			
18	MBBL2227007	06/05/2022			
19	MBBL2227008	09/05/2022			
20	MBBL2227015	15/06/2022			
21	MBBL2229016	15/06/2022			
22	MBBL2229020	16/09/2022			
23	MBBL2229021	30/12/2022			
24	MBBL2328008	12/12/2023			
25	MBBL2330001	22/09/2023			
26	MBBL2330002	29/09/2023			
27	MBBL2330003	03/10/2023			
28	MBBL2431001	27/03/2024			
29	MBBL2431002	29/03/2024			
30	MBBL2434003	29/03/2024			
31	MBBL2432004	04/04/2024			
32	MBBL2431005	08/04/2024			
33	MBBL2431006	08/04/2024			
34	MBBL2431007	09/04/2024			
35	MBBL2434008	17/04/2024			
36	MBBL2431009	22/04/2024			
37	MBBL2431010	26/04/2024			
38	MBBL2431011	27/05/2024			
39	MBBL2431013	20/06/2024			
40	MBBL2431023	19/12/2024			
41	MBBL2431024	20/12/2024			
42	MBBL2432022	17/12/2024			
43	MBBL2432025	20/12/2024			
44	MBBL2432026	23/12/2024			

Details in
the attached
Appendix

Collateral/payment
guarantee (Specify)

Details in
the attached
Appendix

Not applicable

Payment of bond
interest and principal
(Specifically)

Details in
the attached
Appendix

Enough ; On
time

Commitment to early
redemption

Details in
the attached
Appendix

Compliance



45	MBBL2432027	23/12/2024			
46	MBB12501	29/04/2025			
47	MBB12503	09/05/2025			
48	MBB12504	14/05/2025			
49	MBB12505	30/05/2025	Commitment to bond conversion	Details in the attached Appendix	Not applicable
50	MBB12506	06/06/2025			
51	MBB12507	18/06/2025			
52	MBB12509	20/06/2025			
53	MBB12512	24/06/2025			
54	MBB12508	19/06/2025			
55	MBB12510	23/06/2025			
56	MBB12511	24/06/2025			
57	MBB12513	07/07/2025			
58	MBB12514	16/07/2025			
59	MBB12515	18/07/2025			
60	MBB12516	18/07/2025			
61	MBB12517	21/07/2025			
62	MBB12518	23/07/2025			
63	MBB12519	06/08/2025			
64	MBB12520	12/08/2025			
65	MBB12521	20/08/2025			
66	MBB12522	26/08/2025			
67	MBB12523	29/08/2025			
68	MBB12524	03/09/2025			
69	MBB12525	08/09/2025			
70	MBB12526	30/09/2025	Other commitments of the issuer	Details in the attached Appendix	Compliance
71	MBB12527	15/12/2025			
72	MBB12528	16/12/2025			
73	MBB12529	17/12/2025			
74	MBB12530	22/12/2025			
75	MBB12531	29/12/2025			
76	MBB12532	30/12/2025			
77	MBB12533	30/12/2025			
78	MBB12601	21/04/2026			
79	MBB12602	22/04/2026			
80	MBB12603	12/05/2026			
81	MBB12604	15/05/2026			
82	MBB12605	28/05/2026			
83	MBB12606	15/05/2026			
84	MBB12607	19/05/2026			
85	MBB12608	21/05/2026			
86	MBB12609	26/05/2026			
87	MBB12610	28/05/2026			
88	MBB12611	29/05/2026			

89	MBB12612	05/06/2026			
90	MBB12613	05/06/2026			
91	MBB12614	09/06/2026			
92	MBB12615	18/06/2026			
93	MBB12616	19/06/2026			
94	MBB12617	22/06/2026			
95	MBB12618	29/06/2026			

We commit to take full responsibility before the law for the content, accuracy and completeness of the information disclosed above./.

Best Regards./.

Recipients :

- *As above;*
- *Archived: Office, Trea, TA (03)*

Prepared by:
Head of Fixed Income Department

On behalf of General Director
Director of Treasury

Signed

Signed

Pham Hong Quan

Do Thi Minh Hanh

APPENDIX

1. Purpose of Release

STT	Bond code	Intended Use
1	MB. BOND.2017.10Y.01	Helping the Bank diversify the prices of its capital mobilization channels, limit liquidity risks, interest rate risks due to the term difference between mobilized capital and capital use, and aim to serve customers more and more effectively; supplement tier-2 capital and own capital in accordance with the SBV's regulations.
2	MB. BOND.2017.10Y.08	
3	MB.2018.10Y.01	Helping the Bank diversify the prices of its capital mobilization channels, limit liquidity risks, interest rate risks due to the term difference between mobilized capital and capital use, and aim to serve customers more and more effectively; supplement own capital in accordance with the SBV's regulations and increase the scale of the Bank's operating capital.
4	MB.2018.10Y.02	
5	MB.2018.10Y.03	
6	MB.2018.10Y.04	
7	MB.2018.10Y.05	
8	MB.2019.10Y.01	To increase the scale of the Bank's operating capital and supplement its own capital in accordance with the State Bank's regulations. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
9	MB.2019.10Y.02	
10	MBBH2128002	Supplementing long-term tier-2 capital in accordance with the SBV's regulations, serving the needs of credit extension as well as increasing the scale of the Bank's working capital to meet the business growth target in 2021 and the following years. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
11	MBBL2128001	
12	MBBL2128004	
13	MBBL2128005	
14	MBBL2128008	
15	MBBL2128009	
16	MBBL2128011	
17	MBBL2227006	

STT	Bond code	Intended Use
18	MBBL2227007	Supplementing long-term tier II capital in accordance with the State Bank's regulations, serving the needs of credit extension and/or investment as well as increasing the scale of the Bank's working capital to meet the business growth target in 2022 and the following years, in accordance with the law on credit institutions. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
19	MBBL2227008	
20	MBBL2227015	
21	MBBL2229016	
22	MBBL2229020	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to customers who want to borrow capital at MB. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
23	MBBL2229021	
24	MBBL2328008	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used by MB to increase tier 2 capital, specifically to lend to customers who need to borrow capital at MB. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
25	MBBL2330001	
26	MBBL2330002	
27	MBBL2330003	
28	MBBL2431001	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to customers who want to borrow capital at MB. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
29	MBBL2431002	
30	MBBL2434003	
31	MBBL2432004	
32	MBBL2431005	
33	MBBL2431006	

STT	Bond code	Intended Use
34	MBBL2431007	
35	MBBL2434008	
36	MBBL2431009	
37	MBBL2431010	
38	MBBL2431011	
39	MBBL2431013	
40	MBBL2431023	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the issuance of Bonds will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to customers who need to borrow capital at MB and/or serve other activities and businesses of MB in accordance with the provisions of law. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
41	MBBL2431024	
42	MBBL2432022	
43	MBBL2432025	
44	MBBL2432026	
45	MBBL2432027	
46	MBB12501	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the issuance of Bonds will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to customers who need to borrow capital at MB and/or serve other activities and businesses of MB in accordance with the provisions of law. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance will be according to the actual use of the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan on use of capital obtained from bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
47	MBB12503	
48	MBB12504	
49	MBB12505	
50	MBB12506	
51	MBB12507	
52	MBB12509	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam. Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law. The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds will be according to the actual situation using the proceeds at that time but not more than 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
53	MBB12512	

STT	Bond code	Intended Use
54	MBB12508	Issuing bonds to serve the needs of lending to individual and/or institutional customers of the Bank to meet the business growth target in 2025 and the following years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions. Plan: Serving the lending needs of MB's individual and/or institutional customers in 2025 and the following years.
55	MBB12510	The time of disbursement of capital raised from the bond issuance shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not exceeding 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering.
56	MBB12511	The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) will be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
57	MBB12513	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam.
58	MBB12514	Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law.
59	MBB12515	The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds will be according to the actual situation using the proceeds at that time but not more than 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
60	MBB12516	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam.
61	MBB12517	Use plan: The proceeds from the issuance of Bonds will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law.
62	MBB12518	The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds will be according to the actual situation using the proceeds at that time but not more than 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering.
63	MBB12519	The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
64	MBB12520	Issuing bonds to serve the needs of lending to individual and/or institutional customers of the Bank to meet the business growth target in 2025 and the following years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions. Plan: Serving the lending needs of MB's individual and/or institutional customers in 2025 and the following years.

STT	Bond code	Intended Use
		The time of disbursement of capital raised from the bond issuance shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not exceeding 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) will be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
65	MBB12521	Increase tier-2 capital according to the regulations of the State Bank of Vietnam.
66	MBB12522	Use plan: The proceeds from the issuance of Bonds will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law.
67	MBB12523	The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds will be according to the actual situation using the proceeds at that time but not more than 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
68	MBB12524	Issuing bonds to serve the needs of lending to individual and/or institutional customers of the Bank to meet the business growth target in 2025 and the following years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions.
69	MBB12525	Plan: Serving the lending needs of MB's individual and/or institutional customers in 2025 and the following years. The time of disbursement of capital raised from the bond issuance shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not exceeding 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) will be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
70	MBB12526	Increase tier-2 capital in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam.
71	MBB12527	Use plan: The proceeds from the issuance of Bonds will be used by MB to increase tier 2 capital, to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law.
72	MBB12528	The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds will be according to the actual situation using the proceeds at that time but not more than 180 (one hundred and eighty) days from the date of disclosure of information on the results of the offering.
73	MBB12529	The plan to use the capital obtained from the bond issuance in case of temporary idle (if any) shall be deposited at MB's account at the State Bank of Vietnam and/or at other credit institution(s).
74	MBB12530	
75	MBB12531	
76	MBB12532	
77	MBB12533	
78	MBB12601	

STT	Bond code	Intended Use
79	MBB12602	Increase of tier-2 capital in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam (in accordance with specialized laws) Use plan: The proceeds from the issuance of bonds to increase tier 2 capital for MB will be used to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. In case the capital obtained from the issuance of temporary bonds has not been allocated/used, MB shall make deposits at the SBV and/or other credit institution(s) or other forms in accordance with regulations
80	MBB12603	
81	MBB12604	
82	MBB12605	Increase of tier-2 capital in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam (in accordance with specialized laws) Use plan: The proceeds from the issuance of bonds to increase tier 2 capital for MB will be used to lend to individual customers and/or institutional customers at MB in accordance with the law The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. In case the capital obtained from the issuance of temporary bonds has not been allocated/used, MB shall make deposits at the SBV and/or other credit institution(s) or other forms in accordance with regulations
83	MBB12606	
84	MBB12607	
85	MBB12609	
86	MBB12611	
87	MBB12612	
88	MBB12613	
89	MBB12614	
90	MBB12615	
91	MBB12616	
92	MBB12608	Issuing bonds to serve the needs of individual and/or institutional customers of the Bank to meet the business growth target in 2026 and the following years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions. Use plan: The proceeds from the bond issuance will be used to lend to individual and/or institutional customers at MB in accordance with the law. The time of disbursement of capital obtained from the issuance of Bonds shall be according to the actual situation of using the proceeds at that time but not more than 90 (ninety) days from the date of disclosure of information on the results of the offering. In case the capital obtained from the issuance of temporary bonds has not been allocated/used, MB shall make deposits at the SBV and/or other credit institution(s) or other forms in accordance with regulations
93	MBB12610	
94	MBB12617	
95	MBB12618	

2. Collateral: Bonds without collateral, no payment guarantee

3. Payment of bond interest and principal:

Content Details	Results
Military Commercial Joint Stock Bank has made full and timely payments of interest and bond principal and has disclosed information in accordance with the provisions of Decree 153/2020/ND-CP; Decree 65/2022/ND-CP; Circular 122/2020/TT-BTC and Circular 76/2024/TT-BTC	Compliance

4. Commitment to early redemption

Content Details							Results
In the reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026, Quan Duo Commercial Joint Stock Bank has made an early redemption of the following Bond codes:							Compliance
STT	Bond code	Acquisition Date	Value before redemption (billion VND)	Redemption value (billion VND)	Circulation value after redemption (billion VND)		
1	MBBL2227006	10/03/2026	360,000,000,000	250,000,000,000	110,000,000,000		
2	MBBL2227006	18/03/2026	110,000,000,000	110,000,000,000	-		
3	MBBL2227007	27/03/2026	50,000,000,000	50,000,000,000	-		
4	MBBL2227008	27/03/2026	40,000,000,000	40,000,000,000	-		
5	MBBL2227015	20/03/2026	50,000,000,000	50,000,000,000	-		
6	MBBL2229016	20/03/2026	50,000,000,000	50,000,000,000	-		
7	MBBL2229020	03/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-		

Content Details						Results
8	MBBL2431001	27/03/2026	150,000,000,000	150,000,000,000	-	
9	MBBL2431002	30/03/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
10	MBBL2434003	30/03/2026	800,000,000,000	800,000,000,000	-	
11	MBBL2431005	08/04/2026	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	
12	MBBL2431006	08/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
13	MBBL2431007	09/04/2026	100,000,000,000	100,000,000,000	-	
14	MBBL2434008	17/04/2026	200,000,000,000	200,000,000,000	-	
15	MBBL2431009	22/04/2026	400,000,000,000	400,000,000,000	-	
16	MBBL2431010	28/04/2026	301,000,000,000	301,000,000,000	-	
17	MBBL2431011	27/05/2026	200,000,000,000	200,000,000,000	-	
18	MBBL2431013	20/06/2026	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	
19	MBB12508	19/06/2026	5,000,000,000,000	5,000,000,000,000	-	
20	MBB12510	23/06/2026	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	-	

Content Details	Results
Military Commercial Joint Stock Bank has fully and punctually fulfilled the bond redemption commitments as prescribed in the Information Disclosure of Bond Terms and Conditions and disclosed the redemption information in accordance with the provisions of Decree 153/2020/ND-CP; Decree 65/2022/ND-CP; Decree 200/2026/ND-CP; Circular 122/2020/TT-BTC and Circular 76/2024/TT-BTC	

5. Bond conversion commitment: None

6. Other commitments of the issuer and performance results

STT	Content Details	Results
1	Commitments related to bond issuance conditions (a) The Issuer is an enterprise established and operating under the laws of Vietnam that is subject to the provisions of Decree 200 and the Information Disclosure of each offering. (b) The Issuer has full rights, powers and authority and has carried out the necessary procedures and internal approvals in accordance with the Charter and the effective internal regulations and regulations of the Issuer to issue the Bonds and perform the obligations under the Bonds. (c) The Issuer's offering and issuance of Bonds will not (i) violate any provisions of the Issuer's current articles of association, internal regulations and regulations, (ii) violate or lead to a violation of relevant laws and regulations applicable on the Issuance Date, or (iii) contrary to, conflict with, or give rise to any breach of any contract or agreement to which the Issuer is a party. (d) The Issuer has obtained all necessary approvals from the competent authority(s) for (i) the offering and issuance of the Bonds, the signing and issuance of the Bond Instruments; and (ii) perform and comply with the obligations, agreements and commitments of the Issuer under the Bonds and bond instruments. (e) The Issuer commits and affirms that on the Issuance Date, the Issuer fully meets the conditions for issuance of Bonds specified in Decree 153/2020/ND-CP; Decree 65/2022/ND-CP; Decree 200/2026/ND-CP; Circular 122/2020/TT-BTC; Circular 76/2024/TT-BTC; and amended and supplemented legal provisions and other relevant legal documents. (f) The Issuer commits to fully pay both principal and interest of the issued bonds, fully pay all debts due for 03 consecutive years before the bond issuance;	Compliance

STT	Content Details	Results
2	Commitments related to the purpose of issuance The Issuer shall manage and use the proceeds from the issuance of Bonds in accordance with the purposes stated in the Issuance Plan approved by the competent authority and the Information Disclosure and in accordance with the provisions of law.	Compliance
3	Commitments related to disclosure The Issuer must disclose information in accordance with the provisions of Decree 153/2020/ND-CP and amending and supplementing documents: (a) 06-month financial statements, annual financial statements of bond issuers that have been audited or reviewed (if any); unaudited annual financial statements and unaudited and unreviewed financial statements for 06 months must be certified by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors or the Board of Members or the Chairman of the issuer. (b) The payment of interest and principal of bonds of issuers. (c) Audited report on the use of capital from bond issuance of issuers (d) Report on the implementation of the issuer's commitments to bondholders.	Compliance
4	Commitments related to bond registration The Issuer will carry out the procedures for registering the Bonds at VSDC within 05 (five) working days from the date the Issuer announces the results of the offering in accordance with the provisions of current laws and register the Bonds for trading at the Stock Exchange within 15 (fifteen) working days from the date the Issuer Hanh was granted a Bond Registration Certificate by VSDC.	Compliance
5	Other commitments The Issuer performs other obligations as stipulated in the Terms and Conditions of the Bond.	Compliance